

DI SẢN CHO AI

VÀ CÂU CHUYỆN VỀ VIỆC TỔ CHỨC LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM

BÙI HOÀI SƠN*

1. *Đi tìm câu trả lời: di sản cho ai...*

Đã có nhiều học giả đi tìm câu trả lời cho câu hỏi "di sản cho ai". Trên thực tế, câu hỏi di sản là gì và di sản cho ai không phải lúc nào cũng dễ tìm được câu trả lời. Vì vậy, những tranh cãi dường như chưa bao giờ tìm được sự đồng thuận cuối cùng, đặc biệt khi chúng ta có nhiều khác biệt trong nhận thức về di sản và vai trò của di sản trong đời sống xã hội hiện tại. Nếu như câu hỏi *di sản là gì* đã phức tạp, thì câu hỏi *di sản cho ai* cũng phức tạp không kém. Nhìn chung, nhiều người nhất trí với nhau ở một điểm rằng, di sản có nhiều chức năng, thứ nhất di sản được xem như một nguồn lực về văn hóa có giá trị trong tự bản thân nó; thứ hai, di sản được xem như một nguồn lực về chính trị trong việc tạo nên sự ủng hộ của người dân đối với chính quyền; thứ ba, di sản được xem như một nguồn lực về kinh tế, thông qua các hỗ trợ, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp cho các hoạt động kinh tế ấy (Ringer tr. 63). Tuy nhiên, không phải bất kỳ quá khứ nào cũng trở thành di sản và di sản là một quá trình lựa chọn (Ashworth, 1997).

Tôi không cho rằng, một mô hình nào đó là chân lý và duy nhất đúng cho mọi giải thích về di sản, nhưng tôi lại tin rằng, mô hình về di sản là một sự lựa chọn có những ý nghĩa nhất định

khi chúng ta có ý định đi tìm những câu trả lời cho những câu hỏi liên quan đến di sản.

Như vậy, chúng ta thấy nảy sinh ra câu hỏi về chủ thể lựa chọn và thuyết minh di sản, hay nói cách khác, là đi tìm câu trả lời *di sản cho ai*. Trên thực tế, dù có những khác biệt, nhưng chúng ta vẫn đồng ý với nhau rằng, mọi lịch sử là lịch sử cho/vì hiện tại, có nghĩa rằng, chúng được viết nên bởi con mắt của thế hệ hiện tại và cho mục đích hiện tại. Điều đó có nghĩa là, quá trình lựa chọn di sản được thực hiện bởi thế hệ hôm nay và giai cấp nắm quyền là người được trao quyền lựa chọn di sản. Tuy nhiên, câu trả lời như vậy vẫn còn quá chung chung và không thỏa mãn những người muốn có nhận thức sâu sắc hơn về chủ thể của di sản để đưa ra những quyết định hợp lý đối với di sản. Vì vậy, câu hỏi *di sản cho ai* cần câu trả lời thích đáng hơn nữa.

Chúng ta biết rằng, với một di sản, ít nhất có ba nhóm đối tượng chính cần phải được xem xét khi chúng ta đi tìm câu trả lời cho câu hỏi trên, đó là những nhà quản lý, những du khách, và cộng đồng cư dân địa phương. Với câu trả lời nghiêng về khía cạnh quản lý, chúng ta thấy rõ ràng rằng, với logic giải thích lựa chọn-thuyết minh di sản theo mô hình của Ashworth, nhà quản lý được ưu tiên, bởi lẽ, mỗi thời đại cần di sản để tôn vinh chính mình. Quan điểm

lịch sử hiện đại cho rằng, mỗi thời đại có những cách viết sử riêng của mình, trong đó, chọn lọc từ quá khứ những minh chứng cho sự tồn tại hợp logic của thời đại mình. Lịch sử thế giới cũng như Việt Nam cho thấy, sự thăng trầm của di sản (cả vật thể và phi vật thể) do các nhà quản lý có những cách đánh giá khác nhau, qua những giai đoạn khác nhau, về vị trí và vai trò của di sản trong đời sống xã hội. Như vậy, câu trả lời thứ nhất: di sản là cho các nhà quản lý.

Với câu trả lời di sản cho du khách, rõ ràng, trong một bối cảnh hiện thời khi mà du lịch được tôn vinh như một cứu tinh của nền kinh tế ở nhiều quốc gia, thì nhiều người đã tin vào đáp án này. Câu chuyện khai thác văn hóa để phát triển du lịch không còn quá xa lạ ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Trong quá trình khai thác đó, khai thác chất liệu văn hóa dân gian để trở thành sản phẩm du lịch, phục vụ du khách là một sự thật được nhiều người chấp nhận. Và, người ta đã nói đến một quá trình được gọi là văn hóa dân gian hóa để biến những di sản của cộng đồng trở thành một sản phẩm cho những người ngoài cộng đồng. Wong (2006) cho rằng, "Văn hóa dân gian hóa là quá trình, mà nhờ đó, những vật hay những tập tục văn hóa nhất định được xác định là văn hóa dân gian. Quá trình này có thể diễn ra theo nhiều cách nhưng thường kéo theo sự quan tâm và can thiệp của người ngoài, tức là những người không ở trong truyền thống như những người tham gia hay những người mang văn hóa" và "Văn hóa dân gian hóa có thể dính dáng đến việc diễn lại các tập tục cho những khán giả mới xem theo kiểu làm thay đổi chúng một cách sâu sắc" (Wong, 2006).

Chúng ta biết rằng, nếu chúng ta biết cách khai thác di sản vào phát triển du lịch, chúng ta có thể đạt được nhiều lợi ích. Theo Getz, các lễ hội có vai trò quan trọng đặc biệt như kích thích nhu cầu tham quan của khách du lịch, tạo tính hấp dẫn cho điểm tham quan, xây dựng hình ảnh cho một vùng đất cũng như là tác nhân kích thích phát triển đô thị, xã hội, hình thành du lịch thay thế và đáp ứng mục tiêu phát triển

bền vững (Error! Reference source not found. Getz, tr.5). Chính vì lẽ đó, nhiều địa phương đã tổ chức, quản lý di sản của mình vì mục đích thu hút khách du lịch, hay nói cách khác là vì nhu cầu của du khách.

Câu trả lời thứ ba là di sản cho cộng đồng ngày càng nhận được sự đồng tình của nhiều người. Hitchcock (1997) cho rằng "cộng đồng địa phương là người giữ gìn di sản và sở hữu tri thức bản địa về di sản ấy. Những thứ đó có ích đối với sự tồn tại và phát triển bền vững của địa phương". Tiêu chí R4 của UNESCO để công nhận di sản vào danh sách đại diện di sản phi vật thể của nhân loại theo Công ước năm 2003 cũng nhấn mạnh di sản được đề cử phải nhận được sự đồng thuận tự nguyện với sự hiểu biết đầy đủ, dựa trên sự tham gia rộng rãi nhất của cộng đồng, nhóm người hoặc trong một số trường hợp là các cá nhân có liên quan. Đây chính là sự nhấn mạnh của UNESCO đối với quan niệm di sản là của cộng đồng và cho cộng đồng.

Tóm lại, chúng tôi cho rằng, dù câu hỏi *di sản cho ai* được trả lời thế nào đi nữa thì chúng ta cũng cần xác định rằng, di sản là một sản phẩm của thời hiện tại, phát triển nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi của hiện tại đối với nó và được định hình bởi những yêu cầu ấy. Nó tạo ra hai loại liên kết liên thế hệ, theo đó cả hai đều được xác định bởi thời hiện tại. Thời hiện tại lựa chọn một di sản từ một quá khứ được mừng tượng ra cho mục đích hiện tại và quyết định những gì nên được chuyển giao cho một tương lai mà xã hội ấy mong chờ. Đây chỉ là một sự mở rộng của ý tưởng rằng "tất cả lịch sử đều là lịch sử đương đại"; "quá khứ thông qua con mắt của thời hiện tại". Chính vì vậy, cả lịch sử và di sản sử dụng quá khứ một cách có lựa chọn cho mục đích hiện thời và biến đổi nó thông qua sự giải thích. Lễ hội truyền thống ở Việt Nam cũng không thoát ra khỏi bối cảnh nhận thức chung đó.

2. Và câu chuyện quản lý, tổ chức lễ hội truyền thống ở Việt Nam

Rõ ràng, việc xác định di sản (lễ hội truyền thống chẳng hạn) cho ai sẽ dẫn đến thái độ và



Thuyền đua trong lễ hội ở Hội An - Ảnh: C.T.V

cách thức quản lý di sản nhất định nào đó. Nếu chúng ta xác định di sản là của các nhà quản lý (của Nhà nước), chúng ta sẽ có những cách quản lý, tổ chức khác so với việc xác định di sản đó là của cộng đồng, người dân hay du khách.

Trong thời gian vừa qua, việc tổ chức lễ hội truyền thống của người Việt gặp phải rất nhiều vấn đề. Đó là lý do tại sao, cứ đến mỗi mùa lễ hội đầu năm, không ít câu chuyện về tổ chức và quản lý lễ hội gây bức xúc trong dư luận; đó cũng là lý do tại sao chỉ trong vòng 12 năm (từ năm 1989 đến 2001), có đến 3 quy chế tổ chức lễ hội được ra đời. Với những người quan tâm nhiều đến việc tổ chức và quản lý lễ hội truyền thống của người Việt, họ sẽ dễ dàng nhìn thấy một thực tế rằng, lễ hội truyền thống hiện nay được tổ chức ở một quy mô ngày càng lớn hơn (do nhiều lý do chứ không chỉ bởi đời sống kinh tế ngày càng khá giả), nhưng vẫn có "một chút gì đấy" lộn xộn. Những sự lộn xộn này nhiều khi rất khó giải thích và tìm ra được nguyên nhân. Một số nơi, lễ hội do chính người dân cộng

đồng làng tổ chức; một số nơi khác lại do chính quyền hay tổ chức đoàn thể nào đó đứng ra tổ chức. Có những nơi, nếu có sự tham gia của chính quyền thì lễ hội truyền thống mới được tổ chức tốt, có những nơi thì không cần có sự tham gia của chính quyền. Có những nơi, việc tổ chức lễ hội chỉ dành cho khách du lịch, những người tham gia vào các cuộc lễ đều được thuê- mướn... Tất cả có thể chỉ giải thích thông qua việc trả lời câu hỏi: người ta đang tổ chức lễ hội truyền thống làm gì và cho ai!

Để hiểu việc tổ chức và quản lý lễ hội truyền thống ngày hôm nay, trước hết chúng ta cần hiểu bản chất của việc tổ chức các lễ hội cổ truyền trong quá khứ. Về căn bản, đó là một công việc của làng, cho người dân làng và do người dân trong làng tổ chức. Tuy nhiên, trải qua một thời gian dài đầy biến động và do cả bối cảnh xã hội hiện thời, việc tổ chức và quản lý lễ hội đã khác trước rất nhiều. Nền kinh tế bao cấp đã để lại một hệ lụy cho văn hóa Việt Nam, đó là, người dân trông chờ quá nhiều vào Nhà nước thay vì chủ động và tích cực như họ

vốn thể trong nhiều sinh hoạt cộng đồng, thậm chí là gia đình và cả cá nhân. Dù thời bao cấp đã qua một thời gian dài, nhưng nhiều việc, trong đó có việc tổ chức lễ hội truyền thống của chính cộng đồng mình, người dân vẫn có ý thức trông chờ vào những giúp đỡ của chính quyền. Vì lẽ đó, ở nhiều địa phương, nếu chính quyền không cử người tham gia, không tài trợ ở một mức độ nào đó cho việc tổ chức lễ hội, người dân sẽ không/khó tổ chức lễ hội truyền thống của chính họ. Ví dụ như việc tổ chức lễ hội Tây Thiên (Vĩnh Phúc) chẳng hạn. Khu di tích này có một ban quản lý riêng của mình, hàng năm cứ đến dịp lễ hội, Ban Quản lý di tích phối hợp với các ban, ngành của huyện và các xã xung quanh, tiến hành tổ chức lễ hội. Nhìn bề ngoài, việc tổ chức lễ hội ở đây hết sức quy củ khi có sự quan tâm của chính quyền các cấp đối với việc tổ chức lễ hội, thể hiện ở cả việc thành lập ban tổ chức, phân công công việc và phần ngân sách dành cho lễ hội. Công tác tổ chức lễ hội đã được phân công cụ thể, các tổ chức đoàn thể, cơ quan đã xác định được nhiệm vụ của mình khi tổ chức lễ hội. Tuy nhiên, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, điểm yếu lớn nhất của lễ hội là chưa huy động được người dân tham gia một cách tích cực, chủ động. Hiện nay, người dân chưa trở thành chủ nhân của lễ hội, mà có khi tham gia với tư cách của những người du khách dự lễ. Tất cả các công việc trên chủ yếu là do chính quyền thực hiện, người dân ít tham gia vào, như vậy, trong trường hợp lễ hội này để cho dân tự tổ chức, chúng tôi e rằng, lễ hội đó sẽ không tổ chức được, hoặc ít ra cũng sẽ rất lộn xộn trong những năm đầu tiên.

Dĩ nhiên, ai cũng biết rằng, vì nhiều lý do, lễ hội truyền thống ngày hôm nay đã khác trước rất nhiều. Có những lễ hội còn được tổ chức quy củ vì ít có sự gián đoạn như lễ hội đền Phù Đổng; có những lễ hội bị gián đoạn trong thời gian dài và được tái tổ chức dựa vào trí nhớ của cộng đồng, những văn bản còn sót lại và sự dàn dựng của một số cán bộ văn hóa, như lễ hội đền Sóc; có những lễ hội trước kia không có (hoặc không ai còn biết nó như thế nào) nhưng nay lại có do nhu cầu của xã hội hiện tại

như lễ hội Tây Thiên; có những lễ hội trước chỉ do một làng tổ chức, nay do cả xã tổ chức, như lễ hội đền Tống Trân... Vì vậy, không thể có một kịch bản duy nhất để tổ chức và quản lý lễ hội và việc xác định lễ hội cho ai cũng trở nên khó khăn.

Bên cạnh đó, thay vì mục đích và chức năng mang nhiều tính cộng đồng địa phương như trước đây, việc tổ chức lễ hội truyền thống ngày hôm nay đã có thêm nhiều mục đích và chức năng khác. Mô hình lựa chọn- thuyết minh của Ashworth cho chúng ta thấy, việc thay đổi này là hợp lý với bối cảnh xã hội hiện nay. Vì thế, xét về mục đích chính, việc tổ chức lễ hội chùa Hương nhằm chủ yếu phục vụ du khách; việc tổ chức lễ hội Tịch Điền Đọi Sơn để thỏa mãn ý chí chính trị của lãnh đạo địa phương (một phần nào đó của cả Trung ương); hay việc tổ chức một lễ hội nhỏ ở một làng quê nào đó cho chỉ người dân trong làng, về cơ bản không có mâu thuẫn nào quá lớn. Mỗi cách thức tổ chức lễ hội phù hợp với quy mô, điều kiện, hoàn cảnh của lễ hội đó.

Tuy vậy, dù mô hình của Ashworth và những giải thích trên của chúng ta có hợp lý, chúng tôi vẫn luôn cho rằng, cộng đồng nên đứng ở trung tâm của việc tổ chức lễ hội và việc tổ chức lễ hội cho cộng đồng địa phương là giải pháp quan trọng nhất cho việc bảo tồn, phát huy giá trị lễ hội truyền thống ở Việt Nam hiện nay, bởi những lý do sau đây:

Thứ nhất, xét cho cùng, lễ hội truyền thống là lễ hội của người dân địa phương và do người dân địa phương tổ chức. Người dân là chủ thể và là người thực hành văn hóa lễ hội đó. Chỉ có họ mới hiểu và thể hiện sinh động nhất những giá trị tổng hợp của lễ hội truyền thống do họ tổ chức. Khi lễ hội truyền thống do chính người dân địa phương tổ chức, lễ hội này sẽ trở nên sinh động và thực. Nó là nhu cầu của chính người dân ở đây và có thể tự tồn tại. Chính điều đó quyết định tính bền vững trong việc bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội.

Thứ hai, dù chính quyền là tác nhân quan trọng trong việc tổ chức, phục hồi, quản lý lễ hội truyền thống, nhưng sự can thiệp quá sâu

của họ sẽ gây ra phản ứng ngược của người dân, như ta đã phân tích ở trên. Trường hợp tổ chức lễ hội Tây Thiên chẳng hạn. Sự tham gia quá tích cực của chính quyền đã khiến việc tổ chức lễ hội chưa trở thành động lực đoàn kết cộng đồng, thậm chí ngược lại, gây mâu thuẫn giữa người dân và chính quyền như trong việc lựa chọn và thuê người rước kiệu ở nơi khác đến mà không dùng ngay chính người địa phương.... Đây không chỉ là một trường hợp cá biệt mà còn tương đối phổ biến trong việc tổ chức lễ hội ở nhiều nơi.

Thứ ba, du khách đem lại nhiều nguồn lợi cho việc bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội, tuy nhiên, sự "đồng đánh" và yêu cầu quá đáng của du khách nhiều khi làm hỏng truyền thống địa phương. Đó chính là lý do tại sao, nhiều di tích đã có những quy định hạn chế du khách. Điều này còn nguy hại hơn đối với các di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là lễ hội, khi không gian thiêng bị xâm phạm, hay người tổ chức đã giải thiêng các nghi lễ để phục vụ nhu cầu du khách. Khi lễ hội không còn được tổ chức như nó vốn thế, nó sẽ trở thành một sản phẩm du lịch thuần túy, tồn tại và thay đổi theo nhu cầu của du khách. Nó trở thành một sản phẩm có cũng được mà không có cũng được, tồn tại gượng ép ở địa phương theo nhu cầu của người bên ngoài. Nó không tồn tại được nếu nhu cầu của người ngoài không còn.

Tất nhiên, việc tổ chức một lễ hội cho một mục tiêu duy nhất (cộng đồng chẳng hạn) không phải là giải pháp hoàn hảo trong bối cảnh tổ chức lễ hội truyền thống ngày hôm nay. Bản thân chúng tôi cũng không cho rằng, để tổ chức tốt lễ hội, chúng ta chỉ chú ý duy nhất đến vai trò của người dân. Kinh nghiệm tổ

chức ở nhiều lễ hội, đặc biệt là các lễ hội có quy mô lớn cho thấy rằng, chỉ có sự kết hợp tốt giữa chính quyền và người dân cộng đồng, có sự tham gia của du khách, mới giúp cho việc tổ chức lễ hội được thuận lợi và đạt hiệu quả cao nhất. Tuy nhiên, điều chúng tôi muốn nhấn mạnh trong bài viết này là, dù kết hợp bằng cách nào, chúng ta cũng nên lưu ý đến vai trò của cộng đồng trong việc tổ chức lễ hội truyền thống. Và, câu hỏi *di sản hay lễ hội cho ai* nên dành ưu tiên cho câu trả lời là cộng đồng địa phương trước khi nghĩ đến các phương án trả lời khác./.

B.H.S

Tài liệu tham khảo:

- 1- Ngô Đức Thịnh (2005), "Những cảnh báo về lễ hội cổ truyền hôm nay", *Báo Nhân dân điện tử*, ngày 10- 3- 2005
- 2- Ashworth, G. J., (1997), "Elements of planning and managing heritage sites", in Nuryanti, W., *Tourism and Heritage Management*, Gadjah Mada University Press, pp. 165- 191.
- 3- Garrod, B, and Fyall, A. (2000), Managing heritage tourism, *Annals of Tourism Research*, Volume 27, Issue 3, July 2000, Pages 682-708.
- 4- Herbert, D. T. (ed.) (1995), *Heritage, Tourism and Society*, London: Mansell Publishing Limited.
- 5- Ringer, G. (ed.) (1998), *Destinations: Cultural Landscapes of Tourism*, London, Routledge.
- 6- Tunbridge, J. E., and Ashworth G. J. (1996), *Dissonant Heritage: The Management of the Past as a Resource in Conflict*, Chichester, John Wiley & Sons.
- 7- Wong, D. (2006), Sự biến mất của văn hóa dân gian: Một cách tiếp cận từ thế giới thứ nhất. Trong *Hội thảo quốc tế "Bảo tồn và phát huy dân ca trong xã hội đương đại (Qua trường hợp Quan họ ở Bắc Ninh, Việt Nam)"*. Viện Văn hóa- Thông tin tổ chức, Hà Nội.

BÙI HOÀI SƠN: HERITAGE FOR WHOM AND THE STORY OF THE MANAGEMENT OF TRADITIONAL FESTIVALS IN VIETNAM

This article discusses on identifying the role of local communities in the management of their traditional festivals, and come to a conclusion that when local residents paying their attention and awareness on their heritage (i.e. traditional festivals) as their property; and the state management is how to make local people to actively and positively join in that festival activities, the effectiveness of management is sustainable and promoted.